

BỘ NGOẠI GIAO**BỘ NGOẠI GIAO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2011/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2011

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Đông U-ru-goay về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, ký tại Montevideo ngày 12 tháng 5 năm 2009, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2011, theo các Công hàm số 65/VN-2009 ngày 29/7/2009 của phía Việt Nam, Công hàm số 006/011 GP/JPS/amt ngày 10/8/2011 của phía Đông U-ru-goay và quy định tại Điều 12 của Hiệp định.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao lục Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**Nguyễn Thị Hoàng Anh**

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA ĐÔNG URUGUAY
VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Đông Uruguay (sau đây gọi là “các Bên Ký kết”),

Mong muốn tạo các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hợp tác kinh tế giữa hai Bên Ký kết và cụ thể là cho đầu tư của nhà đầu tư của một Bên Ký kết này trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia;

Thừa nhận rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường sự thịnh vượng ở cả hai Bên Ký kết;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ “đầu tư” có nghĩa là các loại tài sản trên lãnh thổ của một Bên Ký kết do nhà đầu tư của Bên Ký kết kia đầu tư phù hợp với pháp luật của Bên Ký kết chủ nhà, cụ thể nhưng không chỉ là:

(a) cổ phần, cổ phiếu của công ty, và các hình thức góp vốn khác, và trái phiếu, giấy nhận nợ, và các hình thức vay nợ khác trong công ty, và các khoản nợ và khoản vay khác và các giấy tờ có giá do nhà đầu tư của một Bên Ký kết phát hành;

(b) các quyền đòi tiền và quyền đối với bất kỳ tài sản khác hoặc việc thực hiện theo hợp đồng có giá trị kinh tế;

(c) các quyền về sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hóa, sáng chế, kiểu dáng và mẫu công nghiệp và quy trình công nghệ, bí quyết, bí mật kinh doanh, tên thương mại và uy tín kinh doanh;

(d) bất kỳ quyền nào theo luật, theo hợp đồng hoặc có được từ bất kỳ giấy phép hoặc sự cho phép theo luật, bao gồm quyền tìm kiếm, thăm dò, khai thác hoặc sử dụng tài nguyên thiên nhiên;

(e) bất kỳ tài sản hữu hình hoặc vô hình, động sản hoặc bất động sản, và bất kỳ quyền về tài sản nào khác có liên quan, như cho thuê, thế chấp, thế nợ và cầm cố.

Nhưng đầu tư không bao gồm các quyền đòi tiền phát sinh thuần túy từ:

(f) hợp đồng bán hàng hóa hoặc dịch vụ của một thể nhân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của một Bên Ký kết cho doanh nghiệp trên lãnh thổ của Bên Ký kết, hoặc

(g) việc cấp tín dụng liên quan đến một giao dịch thương mại, như tín dụng thương mại; hoặc

(h) bất kỳ quyền đòi tiền nào khác không liên quan đến các lợi ích nêu tại các điểm từ (a) đến (e) nêu trên.

Bất kỳ sự thay đổi nào về hình thức theo đó tài sản hoặc các quyền tài sản được đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến tính chất đầu tư, với điều kiện việc thay đổi này phù hợp với luật pháp của Bên Ký kết chủ nhà.

2. Thuật ngữ “nhà đầu tư” đối với một Bên Ký kết có nghĩa là:

(a) Thẻ nhân có quốc tịch của Bên Ký kết đó phù hợp với luật pháp của Bên Ký kết đó;

(b) pháp nhân được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật của Bên Ký kết đó, như công ty, hợp danh, quỹ tín thác, liên doanh, hiệp hội hoặc doanh nghiệp.

3. Thuật ngữ “thu nhập” có nghĩa là các khoản thu được từ đầu tư, bất kể được trả dưới hình thức nào, cụ thể nhưng không chỉ là lợi nhuận, lãi tiền vay, thu nhập từ vốn, cổ tức, tiền bản quyền, và phí quản lý, phí hỗ trợ kỹ thuật, các khoản thanh toán bằng hiện vật bất kỳ dưới hình thức nào.

4. Thuật ngữ “lãnh thổ” có nghĩa là:

(a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên, các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà tại đó Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

(b) Đối với Cộng hòa Đông Uruguay, có nghĩa là lãnh thổ, nội thủy, lãnh hải và vùng biển ngoài lãnh hải mà Uruguay thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

5. Thuật ngữ “đồng tiền tự do chuyển đổi” nghĩa là bất kỳ đồng tiền nào mà Quỹ Tiền tệ Quốc tế xác định là đồng tiền tự do chuyển đổi phù hợp với Điều lệ Quỹ Tiền tệ Quốc tế và bất kỳ sửa đổi nào của Điều lệ này.

6. Thuật ngữ “mục đích công cộng” có nghĩa như quy định theo pháp luật của mỗi Bên Ký kết.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Hiệp định này sẽ áp dụng cho đầu tư được thực hiện bởi nhà đầu tư của một Bên Ký kết trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia sau khi Hiệp định này có hiệu lực và đã được cơ quan có thẩm quyền của Bên Ký kết chủ nhà phê chuẩn bằng văn bản phù hợp với pháp luật và chính sách của Bên Ký kết đó.

2. Hiệp định này không áp dụng đối với tranh chấp đầu tư phát sinh từ các sự kiện xảy ra, hoặc tranh chấp đầu tư đã được giải quyết, hoặc đang trong quá trình giải quyết tại tòa án hoặc trong tài, trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với

(a) thuế;

(b) mua sắm chính phủ;

(c) trợ cấp hoặc hỗ trợ của một Bên Ký kết; và

(d) dịch vụ cung cấp trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước bởi cơ quan có thẩm quyền của một Bên Ký kết. Theo mục đích của Hiệp định này, dịch vụ cung cấp trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước nghĩa là bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp, trên cơ sở phi thương mại và không cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ khác.

Điều 3. Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên Ký kết sẽ khuyến khích và tạo các điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên Ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ nước mình, và tiếp nhận các khoản đầu tư đó theo thẩm quyền quy định trong pháp luật của nước mình.

2. Đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên Ký kết luôn được dành sự đối xử công bằng và bình đẳng và được bảo hộ đầy đủ và an toàn trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia.

Điều 4. Đối xử với đầu tư

1. Mỗi Bên Ký kết sẽ dành cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên Ký kết kia trên lãnh thổ nước mình, liên quan đến việc sử dụng, quản lý, vận hành, hoạt động, mở rộng, bán hoặc định đoạt các khoản đầu tư, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó, trong các trường hợp tương tự, dành cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào (“Đối xử Tối huệ quốc”).

3. Những quy định của Điều này không được hiểu là bắt buộc một trong các Bên Ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên Ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:

(a) Bất kỳ liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, khu vực thương mại tự do, liên minh tiền tệ, hoặc hình thức hiệp định kinh tế khu vực hoặc song phương khác hoặc hiệp định quốc tế tương tự khác mà mỗi Bên Ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên; và

(b) Bất kỳ hiệp định quốc tế, khu vực hoặc song phương nào hoặc các thỏa thuận tương tự khác hoặc bất kỳ quy định pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại

Khi đầu tư của nhà đầu tư của một Bên Ký kết bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi dậy, bạo loạn, khởi nghĩa, nổi loạn, hoặc sự kiện tương tự khác trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên Ký kết kia dành cho sự đối xử, liên quan đến hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc các giải pháp khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên Ký kết đó dành cho nhà đầu tư nước mình hay nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào, tùy thuộc vào sự đối xử nào thuận lợi hơn cho nhà đầu tư.

Điều 6. Tước quyền sở hữu

1. Các khoản đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên Ký kết trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia không bị quốc hữu hóa, tước quyền sở hữu bởi Bên Ký kết kia trừ trường hợp vì mục đích công cộng và phải bồi thường nhanh chóng, thỏa đáng và hiệu quả. Việc tước quyền sở hữu phải được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử và phù hợp với thủ tục pháp luật của Bên Ký kết tước quyền sở hữu.

2. Việc bồi thường này sẽ tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm tước quyền sở hữu hoặc tại thời điểm thông báo việc tước quyền sở hữu, tùy thuộc thời điểm nào đến trước, và sẽ có hiệu lực thanh toán. Việc bồi thường được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

3. Nhà đầu tư của một Bên Ký kết bị ảnh hưởng bởi việc tước quyền sở hữu sẽ có quyền được cơ quan hành chính của Bên Ký kết thực hiện tước quyền sở hữu xem xét nhanh chóng lại vụ việc của mình và việc định giá khoản đầu tư phù hợp với các nguyên tắc của Điều này.

4. Khi một Bên Ký kết tước quyền sở hữu về tài sản của một công ty được thành lập và tổ chức theo pháp luật của nước mình, mà trong đó nhà đầu tư của Bên Ký kết kia sở hữu cổ phần, trái phiếu hoặc các hình thức tham gia khác, các quy định của Điều này sẽ được áp dụng đối với phần sở hữu của nhà đầu tư đó trong công ty nói trên.

Điều 7. Chuyển tiền liên quan đến đầu tư

1. Mỗi Bên Ký kết, căn cứ theo pháp luật của mình, đảm bảo cho nhà đầu tư của Bên Ký kết kia được chuyển tự do vào hoặc ra ngoài lãnh thổ mình các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư, bao gồm:

(a) vốn ban đầu và bất kỳ khoản vốn bổ sung nào để duy trì, quản lý và phát triển đầu tư;

(b) thu nhập;

(c) các khoản thanh toán theo hợp đồng, bao gồm việc trả dần tiền vốn và lãi lũy kế phát sinh từ các khoản thanh toán nợ theo hợp đồng vay;

(d) Tiền bản quyền và phí đối với các quyền theo Điều 1 khoản 1 (c);

(e) các khoản thu được từ việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư;

(f) các khoản thu nhập và các khoản tiền khác của nhân viên thu được từ nước ngoài liên quan đến đầu tư;

(g) các khoản bồi thường theo Điều 5 và Điều 6;

(h) các khoản thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp.

2. Việc chuyển tiền được thực hiện không chậm trễ theo tỷ giá hối đoái hiện hành của đồng tiền được chuyển trên thị trường tại Bên Ký kết chủ nhà vào ngày chuyển tiền.

3. Bất chấp quy định tại khoản 1 và khoản 2, một Bên Ký kết có thể ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền thông qua việc áp dụng một cách công bằng, không phân biệt đối xử và có thiện chí pháp luật của nước mình liên quan đến:

- (a) phá sản, vỡ nợ hoặc việc bảo vệ quyền của chủ nợ;
- (b) phát hành, buôn bán, hoặc giao dịch chứng khoán, hợp đồng tương lai, quyền mua cổ phần hoặc các công cụ phái sinh;
- (c) tội phạm hoặc vi phạm hình sự và thu hồi thu nhập từ tội phạm;
- (d) báo cáo tài chính hoặc việc lưu giữ sổ sách về chuyển tiền khi cần hỗ trợ cơ quan thực thi pháp luật hoặc cơ quan quản lý tài chính;
- (e) bảo đảm việc tuân thủ lệnh hoặc phán quyết trong quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính;
- (f) thuế;
- (g) an sinh xã hội, chế độ hưu trí công, hoặc chương trình tiết kiệm bắt buộc; và
- (h) trợ cấp thôi việc của người lao động.

Điều 8. Thế quyền

1. Nếu một Bên Ký kết hoặc cơ quan của Bên Ký kết đó chỉ định thực hiện thanh toán theo một đảm bảo hoặc hợp đồng bảo hiểm hoặc các hình thức bảo đảm khác đối với một khoản đầu tư, Bên Ký kết kia sẽ công nhận việc thế quyền hoặc việc chuyển giao bất kỳ quyền hoặc quyền sở hữu nào liên quan đến khoản đầu tư đó. Quyền hoặc yêu cầu được chuyển giao hoặc thế quyền sẽ không vượt quá quyền hoặc yêu cầu ban đầu của nhà đầu tư.

2. Khi một Bên Ký kết hoặc cơ quan của Bên đó đã trả tiền cho nhà đầu tư và đã tiếp nhận các quyền và yêu cầu của nhà đầu tư, nhà đầu tư đó sẽ không sử dụng quyền và yêu cầu đó để chống lại Bên Ký kết kia, trừ khi được Ủy quyền hành động thay mặt Bên Ký kết đã trả tiền.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên Ký kết

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào phát sinh trực tiếp từ đầu tư giữa một Bên Ký kết và nhà đầu tư của Bên Ký kết kia liên quan đến việc nghi ngờ vi phạm một nghĩa vụ của Bên Ký kết đó theo Hiệp định này liên quan đến việc quản lý, vận hành, hoạt động, bán hoặc định đoạt khác đối với khoản đầu tư của nhà đầu tư đó, và gây thiệt hại cho khoản đầu tư đó, trong chừng mực có thể, sẽ được giải quyết bằng hòa giải thông qua đàm phán giữa các Bên tranh chấp.

2. Nếu tranh chấp đó không được giải quyết trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày tranh chấp được nhà đầu tư đưa ra thông qua việc thông báo bằng văn bản cho Bên Ký kết, tranh chấp sẽ được giải quyết tại:

- (a) Tòa án có thẩm quyền của Bên Ký kết mà khoản đầu tư được thực hiện trên lãnh thổ của Bên đó;

(b) Trung tâm Quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (Trung tâm) thành lập theo Công ước Washington ngày 18/3/1965 về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước và công dân của Nhà nước khác nếu cả hai Bên Ký kết là thành viên của Công ước nói trên; hoặc

(c) Cơ chế Phụ trợ của Trung tâm, nếu chỉ có một trong hai Bên Ký kết là thành viên của Công ước Washington; hoặc

(d) Tòa trọng tài theo vụ việc, trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác, được thành lập theo Quy tắc Trọng tài của Ủy ban

Luật Thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL).

Một khi nhà đầu tư đã đưa tranh chấp ra giải quyết tại một trong các cơ quan nêu trên, việc lựa chọn thủ tục đó là cuối cùng.

Để rõ ràng hơn, nghĩa vụ Đối xử Tối huệ quốc không bao gồm yêu cầu một Bên Ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên Ký kết kia thủ tục giải quyết tranh chấp ngoài thủ tục đã quy định trong Hiệp định này.

3. Việc đưa tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài theo quy định tại khoản 2 chỉ được thực hiện với điều kiện tranh chấp được đưa ra Tòa trọng tài trong vòng hai (2) năm kể từ ngày nhà đầu tư tranh chấp biết hoặc lẽ ra phải biết về việc vi phạm nghĩa vụ theo Hiệp định này và về thiệt hại xảy ra đối với nhà đầu tư đó hoặc khoản đầu tư của họ.

4. Tòa trọng tài sẽ quyết định theo quy định của Hiệp định này, pháp luật (bao gồm cả quy định về xung đột pháp luật) của Bên Ký kết tham gia tranh chấp mà khoản đầu tư được thực hiện trên lãnh thổ của Bên đó, quy định của thỏa thuận cụ thể liên quan đến khoản đầu tư cụ thể đó, và các nguyên tắc của luật quốc tế.

5. Không Bên Ký kết nào có quyền khởi kiện ngược hoặc biện hộ trong bất kỳ giai đoạn nào của tố tụng trọng tài hoặc khi thực thi phán quyết của trọng tài, rằng nhà đầu tư của Bên Ký kết kia đã nhận được hoặc sẽ nhận được tiền bồi thường hoặc đền bù cho một phần hoặc toàn bộ thiệt hại của mình theo hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo đảm.

6. Phán quyết của trọng tài đưa ra theo Điều này sẽ là chung thẩm và ràng buộc các Bên tranh chấp.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp giữa các Bên Ký kết

1. Các Bên Ký kết, trong chừng mực có thể, sẽ giải quyết bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định này thông qua tham vấn hoặc các kênh ngoại giao khác.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu tháng kể từ ngày một Bên Ký kết yêu cầu việc tham vấn hoặc giải quyết qua các kênh ngoại giao khác và trừ khi các Bên Ký kết có thỏa thuận khác bằng văn bản, mỗi Bên Ký kết có thể, thông qua việc thông báo bằng văn bản cho Bên Ký kết kia, đưa tranh

chấp ra giải quyết tại một tòa trọng tài theo vụ việc phù hợp với các quy định sau đây của Điều này.

3. Tòa trọng tài sẽ được thành lập như sau: mỗi Bên Ký kết sẽ chỉ định một thành viên, và hai thành viên này sẽ thỏa thuận về một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch tòa trọng tài để các Bên Ký kết chỉ định. Các thành viên này sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng, và Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng bốn tháng, kể từ ngày một Bên Ký kết thông báo cho Bên Ký kết kia ý định đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa trọng tài.

4. Nếu các thời hạn nêu tại khoản 3 không được tuân thủ, mỗi Bên Ký kết có thể, trong trường hợp không có thỏa thuận khác, mời Chủ tịch Tòa án Quốc tế tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Tòa án Quốc tế là công dân của một Bên Ký kết hoặc vì lý do khác không được thực hiện chức năng này, Phó Chủ tịch Tòa án Quốc tế sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch Tòa án Quốc tế là công dân của một Bên Ký kết hoặc vì lý do nào khác không được thực hiện chức năng này, thành viên cao cấp tiếp theo của Tòa án Tư pháp Quốc tế không phải là công dân của một Bên Ký kết sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết.

5. Tòa trọng tài sẽ ra quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định này phải phù hợp với Hiệp định này và các quy tắc được thừa nhận của luật pháp quốc tế có liên quan và là cuối cùng và bắt buộc với cả hai Bên Ký kết. Mỗi Bên Ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên Tòa trọng tài do mình chỉ định, cũng như các chi phí cho việc đại diện của mình trong các thủ tục trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch cũng như các chi phí khác trong thủ tục trọng tài do mỗi Bên Ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên, tòa trọng tài có thể quyết định một trong các Bên Ký kết phải chịu toàn bộ hoặc phần chi phí nhiều hơn. Trong mọi trường hợp tòa trọng tài tự quyết định thủ tục của mình.

Điều 11. Áp dụng các quy định khác

Nếu các nghĩa vụ theo các hiệp định quốc tế giữa các Bên Ký kết đang tồn tại hoặc được ký kết sau này, ngoài phạm vi Hiệp định này, chứa đựng các quy tắc, bất kể có tính toàn bộ hay cụ thể, cho phép đầu tư của nhà đầu tư của Bên Ký kết kia được hưởng sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử theo Hiệp định này, những quy tắc đó sẽ, trong chừng mực có lợi hơn cho nhà đầu tư, được ưu tiên áp dụng so với Hiệp định này.

Điều 12. Thời điểm có hiệu lực

Mỗi Bên Ký kết sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Ký kết kia khi đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định này có hiệu lực, và Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi sau ngày nhận được thông báo cuối cùng.

Điều 13. Thời hạn hiệu lực và chấm dứt hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời gian là mười (10) năm, và sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ khi chấm dứt hiệu lực theo khoản (2) của Điều này.

2. Mỗi Bên Ký kết, bằng văn bản thông báo trước một (1) năm cho Bên Ký kết kia, có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này vào cuối thời hạn mười (10) năm ban đầu hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó.

3. Liên quan đến các khoản đầu tư đã được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này, các quy định của tất cả các điều khoản khác của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được sự Ủy quyền hợp lệ của Chính phủ mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Montevideo, ngày 12 tháng 5 năm 2009 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở./.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Nguyễn Đức Hòa
THỨ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA ĐÔNG URUGUAY**

**Pedro Vuz
QUYỀN BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO**